TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ VŨNG TÀU
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 21/2025/DS-ST
Ngày 18-3-2025
V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Bùi Thị Ngát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Song Hoàn

2. Ông Nguyễn Văn Hải

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Phương Thảo- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu tham gia phiên toà: Bà Vũ Thị Nhung - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 03 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số 550/2023/TLST-DS ngày 06-10-2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 12/2025/QĐXXST-DS ngày 10-02-2025, Quyết định hoãn phiên tòa sơ thẩm số 18/2025/QĐST-HPT ngày 27-02-2025, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ông Phạm Quốc T, sinh năm 1985 (vắng mặt)

HKTT: 72F khu phố L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ liên hệ: A N, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đặng Đức N, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: 301-C2 Nguyễn Thiện Thuật, phường Thắng Nhất, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu

2.Bị đơn:

2.1 Bà Dương Thị Hồng T1, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: 8 (cũ 888/44/3) đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

2.2.Ông Trần Quốc V, sinh năm 1984 (vắng mặt)

Địa chỉ: 8 (cũ 888/44/3) đường C, phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị Thu H, sinh năm 1985 (vắng mặt có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: G khu phố L, huyện L, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Địa chỉ liên hệ: A N, phường G, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Phạm Quốc T trình bày:

Ông và vợ chồng ông Trần Quốc V, bà Dương Thị Hồng T1 là chỗ quen biết nhiều năm vì ông V từng làm chung công ty với ông.

Ngày 01/7/2022, vợ chồng ông V bà T1 có gọi điện hỏi vay ông số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng). Ông có hẹn vài ngày sau ông sẽ hỗ trợ cho vay để giải quyết công việc làm ăn.

Ngày 04/7/2022, ông cho vợ chồng ông V bà T1 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản của ông số tài khoản 19033771019011 tại Ngân hàng K do ông là chủ tài khoản tới số tài khoản 76010000369969 mở tại Ngân hàng B1- chi nhánh V1 đứng tên chủ tài khoản Trần Quốc V với nội dung: " Tuan chuyen tien cho vc vu tham vay" với lãi suất do hai bên tự thỏa thuận; ngày mùng 4 hàng tháng vợ chồng ông V, bà T1 trả tiền lãi cho ông.

Ông đã nhận tiền lãi từ khi cho vay đến ngày 04/10/2022. Sau ngày này, ông không nhận được bất cứ khoản tiền lãi nào từ vợ chồng ông V, bà T1; đối với số tiền gốc vợ chồng ông V, bà T1 chưa trả ông được số tiền nào.

Vì vậy, ông khởi kiện vợ chồng ông V, bà T1 và yêu cầu vợ chồng ông V, bà T1 phải thanh toán cho ông số tiền nợ gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) và tiền lãi thỏa thuận 1%/tháng kể từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/9/2023 với số tiền lãi là 11.000.000đ (mười một triệu đồng).

Quá trình giải quyết tại Tòa án, ông rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể rút yêu cầu vợ chồng ông V bà T1 phải trả tiền lãi. Ông chỉ yêu cầu ông V bà T1 phải trả số tiền nợ gốc 100.000.000đ (một trăm triệu đồng)

Ông xác nhận, số tiền ông cho vợ chồng ông V, bà T1 vay là tiền chung của ông và vợ là bà Lê Thị Thu H, việc ông cho ông V, bà T1 vay là vợ ông biết và đồng ý.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Dương Thị Hồng T1 trình bày:

Bà là vợ của ông Trần Quốc V, vợ chồng bà khó khăn về tài chính có gọi điện cho ông Phạm Quốc T là bạn cùng làm với ông V để vay số tiền 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng) nhưng ông T nói chỉ cho vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng).

Ngày 04/7/2022, ông T có chuyển khoản vào số tài khoản 76010000369969 là tài khoản của chồng bà là ông Trần Quốc V với số tiền là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) với nội dung: " Tuan chuyen tien cho vc vu tham vay". Số tiền ông T cho vay là tiền nợ chung của vợ chồng bà, việc ông V có trả lãi cho ông T hay không thì bà không biết, bà xác nhận vợ chồng bà chưa trả khoản nợ gốc nào cho ông T.

Trước yêu cầu khởi kiện của ông T, bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H trình bày: Ông Phạm Quốc T (nguyên đơn) là chồng của bà, việc ông T cho vợ chồng ông V, bà T1 vay số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) như ông T trình bày là bà có biết và

bà đồng ý. Bà xác nhận số tiền ông T cho vợ chồng V, bà T1 vay là tiền chung của vợ chồng bà. Nay vợ chồng ông V, bà T1 không trả nợ cho vợ chồng bà và ông T khởi kiện vợ chồng ông V, bà T1 để đòi lại số tiền trên là bà đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ngoài ra bà không có ý kiến, yêu cầu nào khác và xin được vắng mặt.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu tòa án buộc bị đơn ông V bà T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 100.000.000đ (một trăm triệu đồng). Đối với số tiền lãi là nguyên đơn rút không yêu cầu tính lãi.

Bị đơn bà Dương Thị Hồng T1 giữ nguyên ý kiến tại bản tự khai và đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xin được trả dần cho nguyên đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu phát biểu ý kiến tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định pháp luật về tố tụng Dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Ông Phạm Quốc T khởi kiện yêu cầu ông Trần Quốc V và bà Dương Thị Hồng T1 trả tiền nợ gốc. Xét đây là tranh chấp phát sinh từ hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn có nơi cư trú tại thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35 và điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt đương sự:

Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai tham gia phiên tòa, bị đơn ông Trần Quốc V vẫn vắng mặt, căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông V.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị Thu H vắng mặt nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H.

[2] Tại đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện ngày 07/8/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn tự nguyện rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền lãi 11.000.000đ.

Xét thấy, việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của ông T là hoàn toàn tự nguyện. Căn cứ khoản 2 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với một phần yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông

Trần Quốc V và bà Dương Thị Hồng T1 thanh toán tiền lãi với số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng).

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về trách nhiệm trả số tiền nợ gốc của bị đơn:

Quá trình làm việc và tại phiên tòa: bị đơn bà T1 thừa nhận ngày 04/7/2022, vợ chồng bà đã được ông Phạm Quốc T cho vay số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) bằng hình thức ông T chuyển khoản vào số tài khoản 76010000369969 là tài khoản của ông V với nội dung: "Tuan chuyen tien cho vc vu tham vay", bà thừa nhận vợ chồng bà chưa trả khoản nợ gốc nào cho ông T.

Lời trình bày của bị đơn phù hợp lời khai của nguyên đơn, phù hợp với các tài liệu chứng cứ tòa án đã thu thập được . Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định ông T cho vợ chồng bà T1 và ông V vay số tiền gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) là có thật, đến thời điểm hiện tại vợ chồng bà T1 và ông V vẫn chưa thanh toán cho ông T. Vì vậy, ông T khởi kiện vợ chồng bà T1 và ông V để yêu cầu vợ chồng bà T1 và ông V trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là có căn cứ nên HĐXX chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông V và bà T1 phải trả cho ông T số tiền nợ gốc 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

[4] Về án phí Dân sự sơ thẩm: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ tiền án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự 2015;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Quốc T đối với bị đơn ông Trần Quốc V và bà Dương Thị Hồng T1 về việc " Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

1.Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Quốc T về việc buộc ông Trần Quốc V và bà Dương Thị Hồng T1 thanh toán tiền lãi với số tiền 11.000.000 đồng (mười một triệu đồng);

2. Buộc ông Trần Quốc V và bà Dương Thị Hồng T1 có trách nhiệm trả cho ông Phạm Quốc T số tiền nợ gốc là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án đến khi thi hành xong các khoản tiền, thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

3. Án phí Dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Quốc V và bà Dương Thị Hồng T1 phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp với số tiền 2.700.000 đồng (hai triệu, bảy trăm nghìn đồng) theo B lại thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001313 ngày 04 tháng 10 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tống đạt hợp lệ Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND TP. Vũng Tàu;
- Chi cục THADS TP. Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Văn phòng TAND TP. Vũng Tàu;
- Lưu: Tòa DS; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Thị Ngát